

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/02/2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Khuyên

2. Ông Đào Quyết Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh V (có mặt)

2- Bị đơn: Anh Lưu Kim Hải, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh V (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Lưu Kim H vào ngày 04/12/2018, trước khi cưới được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cưới, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh H ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh H thường xuyên

chửi bới, xúc phạm chị, thỉnh thoảng có đánh đập chị. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó vợ chồng hòa giải chị lại quay về đoàn tụ. Đến tháng 11 năm 2022, chị và anh H tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, chị bỏ về nhà bố mẹ ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng và gia đình hai bên đã dàn xếp nhiều lần nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Luru Hải A, sinh ngày 21/12/2019. Hiện nay cháu đang ở với anh H. Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh H đóng góp nuôi con chung cùng chị là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 03/2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị hiện đang làm công nhân tại công ty Optrontec Vina, thu nhập 13.000.000 đồng/tháng và đang sống cùng với bố mẹ đẻ tại thôn Sơn Đồng, xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, hòa giải tại Tòa án, bị đơn anh Luru Kim H trình bày: Anh xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm ly thân như chị N trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thỉnh thoảng có cãi nhau. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên chị N xin ly hôn anh đề nghị được đoàn tụ.

Về con chung: Như chị N trình bày là đúng. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị N đóng góp nuôi con chung cùng. Hiện nay anh đang trưởng phòng của Công ty TNHH JKTECH Việt Nam, thu nhập bình quân từ 19.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng và đang sống cùng bố mẹ đẻ ở Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh V.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của chị N, anh H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N, cho chị N được ly hôn anh H; đề nghị giao cho chị N trực tiếp nuôi con, anh H phải đóng góp nuôi con chung cùng chị N là

1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 03/2023 đến khi con đủ 18 tuổi; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không yêu cầu nên không đề nghị xem xét; án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị N và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn trong vụ án là anh Lưu Kim H có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị N và anh Lưu Kim H là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng và ly thân nhau từ tháng 11 năm 2022 đến nay, đã dàn xếp nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Chị N xin ly hôn, anh H xin đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng của chị N và anh H đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh H cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng, xin được đoàn tụ nhưng trong suốt quá trình vợ chồng sống ly thân, vợ chồng không có biện pháp hòa giải để hàn gắn về đoàn tụ, việc anh H xin đoàn tụ chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị N và anh H đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung. Hiện nay cháu đang ở với anh H. Trường hợp ly hôn, cả hai đều xin trực tiếp nuôi con, chị N yêu cầu anh H đóng góp nuôi con chung cùng là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 03/2023 đến khi con đủ 18 tuổi, anh H không yêu cầu chị N phải đóng góp nuôi con chung cùng.

Xét yêu cầu của các bên về con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, điều kiện nuôi con chung của các bên là như nhau (Chị N và anh H đều chứng minh được bản thân vẫn lao động bình thường,

có thu nhập ổn định). Tuy nhiên, xét về tâm sinh lý thì cháu Lưu Hải A là con gái, tuổi còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do vậy, cần giao cháu Lưu Hải A, sinh ngày 21/12/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Qua xác minh tại địa phương, xác định mức chi phí nuôi 01 đứa trẻ dưới 18 tuổi ở xã L từ khoảng 2.000.000đ đến 3.000.000đ/tháng nên mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 03/2023 đến khi cháu A đủ 18 tuổi là phù hợp, cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Lưu Kim H.

2. Xử về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lưu Hải A, sinh ngày 21/12/2019.

Anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba*

trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006522 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Anh Lưu Kim H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Nga